

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN DUY ĐỨC

**THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ
TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ**
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Cán bộ hướng dẫn khoa học:* TS. NGUYỄN VĂN TUÂN**

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM..... 8

1.1. Khái niệm và các thuộc tính của chứng cứ 8

1.1.1. Khái niệm chứng cứ 8

1.1.2. Các thuộc tính của chứng cứ 10

1.1.3. Nguồn chứng cứ 12

1.2. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa thu thập, đánh giá chứng cứ..... 15

1.3. Chủ thể, trình tự, thủ tục và phương pháp thu thập, đánh giá chứng cứ 23

1.4. Khái quát lịch sử những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thu thập, đánh giá chứng cứ..... 27

1.5. Thu thập và đánh giá chứng cứ trong luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới..... 30

Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK..... 33

2.1. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ 33

2.1.1. Thu thập, đánh giá chứng cứ là vật chứng..... 33

2.1.2. Thu thập, đánh giá chứng cứ là lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo 36

2.1.3. Thu thập, đánh giá chứng cứ là biên bản hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác..... 39

2.1.4. Thu thập, đánh giá chứng cứ là kết luận giám định 40

2.2. Thực tiễn áp dụng việc thu thập, đánh giá chứng cứ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk 42

2.2.1. Tình hình giải quyết vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong những năm gần đây 42

2.2.2	Những kết quả đạt được trong việc áp dụng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	44
2.3.2.	Những tồn tại, hạn chế trong việc áp dụng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và nguyên nhân	49
Chương 3: NHỮNG YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ		58
3.1.	Cải cách tư pháp và sự cần thiết nâng cao hiệu quả thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự	58
3.2.	Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự	63
3.2.1.	Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự	63
3.2.2.	Các giải pháp khác	72
KẾT LUẬN		87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO		90

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đấu tranh phòng chống tội phạm là nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn mà Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra. Để thực hiện nhiệm vụ này, Nhà nước đã áp dụng nhiều biện pháp, trong đó việc ban hành Bộ luật tố tụng hình sự hoàn chỉnh, đáp ứng được nhu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm là một yêu cầu cấp thiết đặt ra. Ở phương diện pháp lý tố tụng hình sự, việc phát hiện, khám phá chính xác, nhanh chóng, kịp thời mọi hành vi phạm tội không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân có ý nghĩa quan trọng trong tình hình nước ta hiện nay, nhằm duy trì trật tự xã hội và phát triển đất nước. Muốn thực hiện tốt được vấn đề này thì cần phải có chứng cứ. Nói cách khác, chứng cứ được coi là phương tiện duy nhất được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để xác định sự thật khách quan của vụ án. Bởi chứng cứ được coi là một trong những chế định quan trọng trong Luật tố tụng hình sự. Chế định này vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn cao. Để giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án hình sự thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải xác định sự việc phạm tội và người thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội là quá trình đã xảy ra trong quá khứ. Do vậy, muốn hình dung và tái hiện được diễn biến của nó thì cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa vào chứng cứ của vụ án. Vì vậy, xét về bản chất thì chứng cứ là những thông tin, tài liệu hay những gì có thật được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập, kiểm tra và đánh giá theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Thực tế hiện nay đã và đang xảy ra rất nhiều vụ án hình sự có tính chất phức tạp, có tổ chức chặt chẽ, có tính đồng phạm cao, có sự móc nối liên hệ phạm tội bằng các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại... đã và đang gây không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặc dù hiện nay, Bộ luật tố tụng hình sự nước ta đã có khái niệm về chứng cứ, quy định về thu thập, đánh giá chứng cứ một cách rõ ràng, chặt chẽ theo một trình tự thủ tục tố tụng nghiêm ngặt. Qua đó, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng phải tuân theo. Tuy nhiên, trong không ít một số vụ án hình sự thì vẫn còn dễ xảy ra oan, sai hay bỏ lọt tội phạm, mà nguyên nhân bắt nguồn từ việc thu thập và đánh giá chứng cứ không

khách quan, đầy đủ, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nguyên tắc kiểm tra chứng cứ trong quá trình chứng minh của các cơ quan tiến hành tố tụng, hoặc đánh giá chứng cứ một cách phiến diện.

Cho đến nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, các bài viết liên quan đến vấn đề này, nhưng hầu hết những công trình nghiên cứu đó chỉ mang tính chất về mặt lý luận mà chưa đi sâu vào nghiên cứu về mặt thực tiễn trong các giai đoạn tố tụng. Hiện nay, trên địa bàn cả nước nói chung, địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng, các cơ quan tiến hành tố tụng còn mắc những sai sót nhất định trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự. Do đó, việc nghiên cứu, xác định các sự kiện, tình tiết của vụ án được tiến hành trên cơ sở của các chứng cứ và chỉ bằng cách dựa vào các chứng cứ mới làm sáng tỏ được những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự. Thông qua việc phát hiện chứng cứ, xem xét và ghi nhận chứng cứ về mặt thủ tục tố tụng, kiểm tra tính xác thực của những loại chứng cứ được bắt từ nguồn chứng cứ nào, đánh giá chứng cứ, cơ quan tiến hành tố tụng có thể nghiên cứu đầy đủ và toàn diện các tình tiết của vụ án, xác định sự phù hợp của chúng với hiện thực từ đó tìm ra chân lý khách quan của vụ án. Chính vì vậy, ở một góc độ nào đó việc chưa đánh giá, xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan của chứng cứ dẫn đến hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội phạm còn chưa cao.

Với những lý lẽ trên, học viên nhận thấy cần phải nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự là một yêu cầu cấp thiết nhằm hiểu rõ và tạo cơ sở cho việc thu thập và đánh giá chứng cứ.

Vì vậy, từ những lý do đã nêu trên, học viên quyết định chọn đề tài: ***"Thu thập, đánh giá chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk"*** làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy đã có một số công trình nghiên cứu trực tiếp và gián tiếp về chứng cứ trong vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự trên các sách báo pháp lý hình sự ở trong và ngoài nước. Còn riêng ở Việt Nam, đáng chú ý là một số công trình tiêu biểu sau đây:

1/ TS. Nguyễn Ngọc Chí. Chương VII. Chứng cứ. Trong sách: Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Khoa Luật, Đại học Quốc gia

Hà Nội. Tập thể tác giả do TS Nguyễn Ngọc Chí chủ biên. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.

2/ TS. Trần Quang Tiệp, Chế định chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

3/ PGS. TS. Nguyễn Thủ Thanh (chủ biên). Giáo trình khoa học điều tra hình sự. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2003.

4/ GS. TS. Đỗ Ngọc Quang, Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam (dành cho hệ đào tạo sau đại học). Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2003.

5/ Vương Văn Bép, Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013.

6/ Đỗ Văn Đương. Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự, NXB tư pháp Hà Nội, 2007.

7/ Nguyễn Văn Cừ, chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB tư pháp Hà Nội, 2005.

Tuy nhiên, ngoài những công trình tiêu biểu nói trên, còn nhiều các công trình khác nghiên cứu về chứng cứ nhưng cho đến nay việc nghiên cứu về thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự cả về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn một tỉnh cụ thể còn hạn chế và chưa thật sự mang tính thực tiễn cao, đặc biệt, đối với một tỉnh có tình hình an ninh, trật tự rất cần ổn định là địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, việc học viên lựa chọn đề tài "***Thu thập, đánh giá chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk***" làm luận văn thạc sĩ luật học của mình là có tính cấp bách.

3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn có mục đích góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận các quy định về thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự và việc áp dụng vào thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện lý luận về việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự, cũng như kiến nghị giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thực tiễn áp dụng các hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu đã nêu, luận văn có phạm vi nghiên cứu là những vấn đề lý luận và thực tiễn về các quy định về chứng cứ, các biện pháp thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự (Các khái niệm, nguyên tắc, cơ sở nghiên cứu về phương pháp thu thập, đánh giá chứng cứ, nghiên cứu về phương pháp thu thập, đánh giá chứng cứ trong luật tố tụng hình sự một số nước), đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng về biện pháp thu thập, đánh giá chứng cứ trong một số vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản để đưa ra những yêu cầu, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp thu thập, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự. Đồng thời, đề xuất hoàn thiện một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự về các biện pháp thu thập, đánh giá chứng cứ.

4. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn có đối tượng nghiên cứu là phương pháp thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- 1) Làm rõ khái niệm chứng cứ, thu thập, đánh giá chứng cứ, phân tích các đặc điểm cơ bản của chứng cứ, thu thập, đánh giá chứng cứ.
- 2) Những căn cứ về thu thập, đánh giá chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam;
- 3) Nghiên cứu so sánh với luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới để rút ra nhận xét, đánh giá về thu thập, đánh giá chứng cứ;
- 4) Phân tích các quy định về thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành và đánh giá thực tiễn áp dụng biện pháp thu thập, đánh giá chứng cứ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk của các cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó chỉ ra các tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân cơ bản;
- 5) Những yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam;

5. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh phòng và chống tội phạm, giáo dục, cải tạo người phạm tội. Đồng thời dựa trên những thành tựu của khoa học như: triết học, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, tội phạm học...

5.2. Các phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ nội dung các biện pháp thu thập và đánh giá chứng cứ ở cả phương diện lý luận và thực tiễn, luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, hệ thống... để tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu. Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Những đóng góp mới về khoa học của luận văn

Với những phân tích, tổng hợp dựa trên những số liệu và tình huống xảy ra thực tế ở địa bàn tỉnh Đắk Lắk, luận văn đưa ra những đóng góp mới về cải cách hệ thống tư pháp, sửa đổi và bổ sung những quy định của pháp luật trong việc nâng cao vai trò của người thu thập và đánh giá chứng cứ trong quá trình tố tụng.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Dựa trên những phân tích, đánh giá về công tác thu thập và đánh giá chứng cứ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và đưa ra những nguyên nhân, khó khăn còn tồn tại, luận văn đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm hướng đến hoàn thiện về lý luận mà cụ thể là các quy định của pháp luật chưa phù hợp hiện nay. Đồng thời thông qua những phân tích đó, luận văn cũng cho thấy rõ tình hình thực tiễn, với những khó khăn vướng mắc trên địa bàn tỉnh, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm đưa ra những phương án để nâng cao chất lượng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của tỉnh Đắk Lắk.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương với tên gọi như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về thu thập, đánh giá chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2: Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Những yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và các thuộc tính của chứng cứ

1.1.1. Khái niệm chứng cứ

Điều 1 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nêu rõ mục đích chính của tố tụng hình sự là “*chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội*”. Để phát hiện và xử lý chính xác tội phạm, việc chứng minh trong tố tụng hình sự nhằm làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Trong khoa học luật tố tụng hình sự Việt Nam, chứng cứ được phân loại thành dựa trên các tiêu chí khác nhau:

- * Dựa trên giá trị chứng minh của chứng cứ thì chứng cứ được chia thành hai loại đó là: chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp;

- * Căn cứ vào ý nghĩa pháp lý hình sự của chứng cứ gồm: chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội;

- * Căn cứ vào xuất xứ của thông tin, tư liệu thu thập được, chứng cứ được phân thành: chứng cứ gốc, chứng cứ thuật lại (hay còn gọi là chứng cứ sao chép).

1.1.2. Các thuộc tính của chứng cứ

Xuất phát từ khái niệm chứng cứ được nêu ra trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 có thể thấy các thuộc tính cần và đủ cho chứng cứ gồm: tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp.

Thứ nhất, tính khách quan của chứng cứ: Đây là thuộc tính quan trọng của chứng cứ. Chứng cứ là những gì có thật, có nghĩa rằng chứng cứ là những thông tin, tài liệu, đồ vật tồn tại khách quan, độc lập, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của con người, và những chứng cứ đó liên quan trực tiếp đến các tình tiết của vụ án đang được chứng minh. Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng chỉ cung cấp, thu thập, nghiên cứu chứng cứ chứ không tạo ra chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Tại Điều 66 của Bộ luật tố tụng hình sự, tính khách quan của chứng cứ còn được gọi là tính xác thực của chứng cứ.

Thứ hai, tính liên quan của chứng cứ: Tính liên quan của chứng cứ được thể hiện ở mối liên hệ khách quan của các thông tin, tài liệu với các tình tiết của vụ án cần được xác định. Mối quan hệ này có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp. Mối quan hệ trực tiếp ở đây được hiểu là việc chứng cứ được dùng làm căn cứ để giải quyết thực chất của vụ án, đó là những căn cứ quan trọng và chủ yếu để xác định hành vi phạm tội, người phạm tội, lỗi của người phạm tội, các tình tiết có ý nghĩa quan trọng đối với việc quyết định hình phạt,... Mối quan hệ gián tiếp là trong trường hợp thông tin, tài liệu đó không thể làm căn cứ để giải quyết thực chất vụ án, nhưng lại đóng góp một phần nhất định vào việc chứng minh phạm tội. Chẳng hạn lời khai của người làm chứng rằng vào thời điểm tội phạm xảy ra đã chứng kiến sự có mặt của người bị tạm giữ. Như vậy, dù việc nhìn thấy sự có mặt của người bị tạm giữ không có ý nghĩa trong việc quyết định liệu rằng người bị tạm giữ có phải là người phạm tội hay không, nhưng lại đóng vai trò quan trọng đối với các cơ quan điều tra trong việc lập phương án điều tra làm sáng tỏ sự việc.

Thứ ba, tính hợp pháp của chứng cứ: Đó là sự phù hợp với các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Tính hợp pháp của chứng cứ được thể hiện qua quá trình cung cấp, thu thập, nghiên cứu, bảo quản theo trình tự của pháp luật quy định. Nó được thể hiện ở các mặt sau:

* Chứng cứ được xác định bằng nguồn nhất định theo quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, nguồn chứng cứ bao gồm: (i) vật chứng; (ii) lời khai của người tham gia tố tụng; (iii) Kết luận giám định; (iv) Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác. Các nguồn này phải được lưu giữ bằng nguồn tương ứng xác định.

* Chứng cứ phải được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Tùy thuộc vào tính chất đặc điểm của

chứng cứ mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ để nhằm đảm bảo được tính khách quan và giá trị chứng minh của chứng cứ.

Tóm lại, tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp là các thuộc tính quan trọng của chứng cứ, giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ và cũng độc lập với nhau trong việc thể hiện các khía cạnh của chứng cứ. Khi xem xét bất cứ vật chứng, tài liệu gì để sử dụng làm chứng cứ cho vụ án thì cũng cần phải xem xét đầy đủ ba thuộc tính này, nếu thiếu đi bất kỳ thuộc tính nào đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá trị chứng minh của chứng cứ.

1.1.3 Nguồn chứng cứ

Nguồn chứng cứ là một chế định quan trọng và cần thiết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, việc hiểu đúng và đầy đủ về khái niệm nguồn chứng cứ là tiền đề nghiên cứu nguồn chứng cứ, những quy định trong lý luận và thực tiễn.

Nguồn chứng cứ được quy định tại khoản 2 Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự quy định:

“Chứng cứ được xác định bằng:

* *Vật chứng;*

* *Lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo;*

* *Kết luận giám định;*

* *Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu đồ vật khác”*

Giữa chứng cứ và nguồn chứng cứ luôn có mối quan hệ mật thiết và chặt chẽ.

- Thứ nhất: Mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Nguồn chứng cứ là nơi chứa đựng, cung cấp chứng cứ nên nguồn là cái chung, hay còn gọi là hình thức, cái bao trùm với chứng cứ. Chứng cứ là cái riêng, hay còn gọi là nội dung, chứng cứ luôn chứa đựng trong nguồn, từ cái thật, cái thực chất có trong nguồn. Đó là cách hiểu chung nhất giữa chứng cứ và nguồn chứng cứ. Nguồn chứng cứ được phân thành nhiều loại, chứng cứ có thể được rút ra từ một nguồn hoặc nhiều nguồn khác nhau, một nguồn có thể được rút ra nhiều chứng cứ. Trong một nguồn có thể rút ra nhiều loại chứng cứ, chứng cứ trực tiếp hoặc chứng cứ gián tiếp; chứng

cứ gốc hay chứng cứ sao chép lại, thuật lại; chứng cứ buộc tội hay chứng cứ gỡ tội.

- Thứ hai: Nguồn chứng cứ là tiền đề của chứng cứ. Muốn có chứng cứ trước hết phải có nguồn chứng cứ. Tức là trên thực tế phải có nguồn chứng cứ được phản ánh lại và nguồn chứng cứ đó phải được pháp luật tổ tụng hình sự quy định. Nếu những thông tin, tài liệu nào được rút ra ngoài những nguồn mà luật tổ tụng hình sự quy định thì không phải là chứng cứ pháp lý. Nói như vậy, không có nghĩa có nguồn chứng cứ là có chứng cứ, điều đó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trước hết, nguồn đó có được phát hiện thu thập hay không và chứng cứ được rút ra từ nguồn có đảm bảo ba đặc điểm của nó hay không.

- Thứ ba: Mỗi quan hệ pháp lý tổ tụng hình sự. Việc quy định nguồn chứng cứ cũng như các hoạt động thu thập, bảo quản nguồn chứng cứ bởi cơ quan tiến hành tố tụng chính là bảo vệ cho chứng cứ, để chứng cứ được rút ra từ nguồn có giá trị pháp lý và giá trị chứng minh.

Từ những khái quát đặc điểm trên, tác giả có thể đưa ra khái niệm về nguồn chứng cứ như sau: “Nguồn chứng cứ là nơi chứa đựng, cung cấp chứng cứ để cơ quan tiến hành tố tụng rút ra là cơ sở cho việc giải quyết vụ án hình sự”.

1.2 Khái niệm, mục đích và ý nghĩa thu thập, đánh giá chứng cứ

1.2.1 Khái niệm thu thập, đánh giá chứng cứ

**** Thu thập chứng cứ***

Tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 quy định về việc thu thập chứng cứ như sau:

“1. Để thu thập chứng cứ, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày về những vấn đề có liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định, tiến hành khám xét, khám nghiệm và các hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.

2. Những người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều có thể đưa ra tài liệu, đồ vật và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án.”

Thu thập chứng cứ là giai đoạn đầu tiên của quá trình chứng minh. Để đảm bảo cho chứng cứ đảm bảo được giá trị chứng minh, hoạt động thu thập chứng cứ phải được thực hiện theo các nguyên tắc nhất định.

Thứ nhất, bất kỳ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào cũng có thể đưa ra các tài liệu, đồ vật và trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án. Đó có thể là bị can, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, người liên quan, người làm chứng,... Tất cả các thông tin này đều phải được cơ quan tiến hành tố tụng tiếp nhận và đảm bảo được lưu trữ theo đúng quy định của pháp luật tương ứng đối với từng nguồn chứng cứ nhất định.

Thứ hai, chỉ những người có thẩm quyền do pháp luật tố tụng hình sự quy định mới có quyền thu thập chứng cứ. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, chỉ những người sau đây mới có thẩm quyền áp dụng các biện pháp thu thập, đánh giá chứng cứ:

* Thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp; Viện trưởng, phó Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp; Chánh án, phó Chánh án Tòa án các cấp có thẩm quyền ra lệnh áp dụng các biện pháp như: ra lệnh khám xét, phê chuẩn lệnh khám xét, ra quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi, triệu tập người tham gia tố tụng để hỏi cung, lấy lời khai, đối chất,...

* Người trực tiếp thực hiện các biện pháp thu thập chứng cứ là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên toà, cán bộ giám định, người được mời tham gia khám nghiệm.

Thứ ba, việc thu thập chứng cứ phải được thực hiện khi thực hiện theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Chỉ được áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ được quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2003.

Như vậy, theo quan điểm của tác giả thì, thu thập chứng cứ là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, thu giữ, bảo quản các thông tin, tư liệu liên quan đến vụ án theo các trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng quy định.

** Đánh giá chứng cứ*

Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy logic của cơ quan tiến hành tố tụng và những người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật nhằm xác định các thuộc tính của chứng cứ và giá trị chứng minh của tổng hợp các chứng cứ đã thu thập được trong vụ án hình sự.

1.2.2 Mục đích, ý nghĩa thu thập, đánh giá chứng cứ

** Mục đích của đánh giá chứng cứ*

** Ý nghĩa của đánh giá chứng cứ*

* Đánh giá chứng cứ có ý nghĩa đối với quá trình chứng minh và đồng thời cũng là cơ sở quan trọng cho việc thu thập, kiểm tra chứng cứ.

Việc đánh giá chứng cứ giúp cho việc xác định giới hạn chứng minh, cho việc đưa ra các giả thiết và kết luận trong quá trình chứng minh;

- * Đánh giá chứng cứ có vai trò quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

- * Đánh giá chứng cứ là căn cứ để đi đến các kết luận và ra quyết định giải quyết thực chất vụ án hình sự

1.3. Chủ thể, trình tự, thủ tục và phương pháp thu thập, đánh giá chứng cứ

1.3.1 Chủ thể thu thập, đánh giá chứng cứ

1.3.1.1 Chủ thể tiến hành thu thập chứng cứ

Theo quy định tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì hoạt động thu thập chứng cứ bao gồm:

1.3.1.2 Chủ thể tiến hành đánh giá chứng cứ

Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy logic của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhằm xác định chính xác các thuộc tính của chứng cứ và giá trị chứng minh của tổng hợp các chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và xét xử vụ án.

1.3.2. Trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ và phương pháp thu thập, đánh giá chứng cứ

- * Về trình tự, thủ tục:

- * Thủ tục giải thích quyền và nghĩa vụ cho đối tượng bị áp dụng: Thủ tục này được áp dụng trong các biện pháp hỏi cung; lấy lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, người làm chứng, người bị hại; khi tiến hành đối chất, nhận dạng, khám người, khám nơi làm việc, khám chỗ ở, địa điểm.

- * Thủ tục chứng kiến

- * Thủ tục thông báo cho Viện kiểm sát: Được áp dụng trong trường hợp khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, theo quy định tại Điều 150, 151 Bộ luật tố tụng hình sự; trường hợp thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng hình sự.

- * Thủ tục lập biên bản:

- * Thủ tục ra văn bản áp dụng:

- * *Phương pháp thu thập chứng cứ*

Phân chia theo nguồn chứng cứ thì phương pháp thu thập chứng cứ

bao gồm:

* Lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

* Trưng cầu giám định: Việc giám định phải được tiến hành bởi người có trình độ chuyên môn về vấn đề khoa học, kỹ thuật tương ứng liên quan đến vụ án hình sự được cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu. Phạm vi kết luận giám định được giới hạn trong quyết định trưng cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng.

* Thông qua hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật thu thập được tại hiện trường xảy ra vụ án, hoặc trên các phương tiện, dụng cụ được sử dụng để gây án,...

1.4. Khái quát lịch sử những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thu thập, đánh giá chứng cứ

Gắn liền với luật tố tụng hình sự, hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ ở nước ta đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài, lịch sử thành văn chứa đựng nhiều sử liệu cho phép chúng ta khẳng định hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ tồn tại trong các triều đại phong kiến cho đến khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 được ban hành.

1.5 Thu thập và đánh giá chứng cứ trong luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới

Với những ý nghĩa và vai trò quan trọng của chứng cứ trong công tác phòng chống tội phạm, pháp luật các nước trên thế giới đều có những ghi nhận về việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự của mình.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ

2.1.1. Thu thập, đánh giá chứng cứ là vật chứng

Theo từ điển tiếng Việt, “vật” được hiểu là những thứ có hình khối, kích thước, trọng lượng mà con người có thể nhận biết được thông qua các giác quan như nhìn, sờ, cầm, nắm, cảm giác được to, nhỏ, nặng, nhẹ. Như vậy, tất cả các sự vật mang tính hữu hình cụ thể đều thuộc khái niệm “vật”. [27]

Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng bao gồm các loại:

- * Vật chứng được dùng làm phương tiện, công cụ phạm tội: đây là những vật, phương tiện được dùng để hỗ trợ cho việc gây án như dao, gậy, súng,...

- * Vật mang dấu vết tội phạm như dấu vân tay, vết máu, dấu giày,...

- * Vật là đối tượng của tội phạm mà thông qua việc tác động vào vật đó, người phạm tội gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội nhất định. Ví dụ như tiền giả, giấy tờ giả, tài sản bị chiếm đoạt,...

- * Tiền bạc và vật khác không thuộc các loại trên nhưng có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội. Ví dụ như tiền bạc tịch thu được từ vụ đánh bạc,...

Tại khoản 2 Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự quy định cụ thể trình tự, thủ tục niêm phong và bảo quản vật chứng như sau:

“a) Đối với vật chứng cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập. Việc niêm phong, mở niêm phong phải được tiến hành theo quy định của pháp luật và phải lập biên bản để đưa vào hồ sơ vụ án;

b) Vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ phải được giám định ngay sau khi thu thập và phải chuyển ngay để bảo quản tại ngân hàng hoặc các cơ quan chuyên trách khác;

c) Đối với vật chứng không thể đưa về cơ quan tiến hành tố tụng để bảo quản thì cơ quan tiến hành tố tụng giao vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản”

d) Đối với vật chứng là hàng hoá mau hỏng hoặc khó bảo quản nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 76 của Bộ luật này thì cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này trong phạm vi quyền hạn của mình quyết định bán theo quy định của pháp luật và chuyển tiền đến tài khoản tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền tại kho bạc nhà nước để quản lý;

2.1.2. Thu thập, đánh giá chứng cứ là lời khai của người làm chứng,

người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

Lời khai thể hiện các thông tin về vụ án được lưu giữ trong ý thức người tham gia tố tụng, chính vì vậy các thông tin đó được thu thập thông qua lời khai của người tham gia tố tụng.

** Lời khai của người làm chứng*

** Lời khai của người bị hại*

**Lời khai của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*

** Lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*

2.1.3. Thu thập, đánh giá chứng cứ là biên bản hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác

Trong hoạt động điều tra, xét xử vụ án hình sự thực hiện theo quy định của pháp luật đều phải lập thành biên bản, từ việc khám xét, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra,.. cho đến việc bắt người, tiến hành phiên tòa. Các biên bản này cũng được coi là chứng cứ của vụ án trong hoạt động tố tụng trong trường hợp biên bản được lập một cách khách quan, thể hiện diễn biến của hoạt động tố tụng, theo đúng trình tự, cách thức quy định Bộ luật tố tụng hình sự và đồng thời đảm bảo được các thuộc tính của chứng cứ (tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp).

2.1.4. Thu thập, đánh giá chứng cứ là kết luận giám định

Kết luận giám định là đánh giá cụ thể bằng văn bản của người có trình độ chuyên môn về vấn đề khoa học, kỹ thuật tương ứng liên quan đến vụ án hình sự được cơ quan tố tụng trưng cầu. Kết luận giám định được thừa nhận là chứng cứ theo quy định tại Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng chỉ trong phạm vi giới hạn trong quyết định trưng cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng.

2.2. Thực tiễn áp dụng việc thu thập, đánh giá chứng cứ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

2.2.1 Tình hình giải quyết vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong những năm gần đây

Đắk Lắk có vị trí địa lý nằm vào khoảng 107⁰28'57" đến 108⁰59'37" độ kinh Đông và từ 12⁰9'45" đến 13⁰25'06" độ vĩ Bắc, nằm ở vùng trung

tâm vùng Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Serepok và một phần của sông Ba. Đắc Lắc có độ cao trung bình vào khoảng 400 – 800 mét so với mặt nước biển, phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp Lâm Đồng và Đắk Nông, phía Đông giáp Phú Yên, phía Tây giáp Campuchia.

Dưới đây là số liệu thống kê về việc giải quyết các vụ việc hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phân theo cấp trong năm 2014 như sau:

Cấp	Loại án	Thụ lý		Giải quyết		Còn lại	
		HS	Tổng	HS	Tổng	HS	Tổng
Tỉnh	Sơ thẩm	104	411	104	411	0	0
	Phúc thẩm	538	910	538	910	0	0
	Giám đốc thẩm	3	4	3	4	0	0
	Tổng	645	1325	645	1325	0	0
Huyện		1479	2829	1455	2772	24	57
Tổng		2124	4154	2100	4097	24	57

(Theo thống kê tình hình thụ lý, giải quyết án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk năm 2014)

Dưới đây là tổng hợp số liệu án hủy và sửa của Tòa án nhân dân cấp tỉnh Đắk Lắk đối với các vụ hình sự giai đoạn 2010-2014 [6,7,8,9,10] như sau:

Năm	Án hủy	Án sửa	Tỷ lệ án hủy	Tỷ lệ án sửa
2010	50	0	2.01%	0%
2011	20	0	1.05%	0%
2012	19	21	1.06%	1.10%
2013	18	24	1.49%	0.56%
2014	19	25	1.09%	0.54%
Tổng	126	71	1,34%	0.44%

(Theo số liệu tổng hợp án hủy đối với vụ hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giai đoạn năm 2010-2014)

Như vậy, trong những trường hợp liên quan đến các vấn đề nhạy cảm, chỉ khi có sự trình báo của nhân dân, cơ quan điều tra mới có thể biết được sự việc và tiến hành điều tra. Việc lấy thông tin từ những người thân của người bị hại hoặc người phạm tội có ý nghĩa rất lớn trong việc phát hiện và giải quyết vụ việc. Vấn đề đặt ra xung quanh vụ việc này đã được dư luận quan tâm và cũng có những ý kiến nhiều chiều cho rằng đã có sự “nuông tay” vi phạm pháp luật của hội đồng xét xử khi xem xét vụ việc. Và vấn đề này vẫn còn để bỏ ngỏ.

Tóm lại, hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ của cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có những bước tiến khả quan trong công tác điều tra, truy tố và xét xử. Các nguồn chứng cứ được vận dụng một cách tối đa và có sự phối kết hợp lẫn nhau trong công tác chứng minh tội phạm. Tuy vậy, cùng với những mặt tích cực đó, cũng tồn tại không ít những điểm yếu kém, vẫn để xảy ra tình trạng án oan sai, hủy, sửa lại bản án, trả lại bản án để điều tra bổ sung.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế trong việc áp dụng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và nguyên nhân

* Một số tồn tại, hạn chế trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ của cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thứ nhất, trong hoạt động thu thập vật chứng vẫn còn tồn tại nhiều điểm bất cập:

Thứ hai, trong hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ là lời khai và kết luận giám định

Thứ ba, trong hoạt động thực hiện công tác giám định cũng gặp nhiều vấn đề nổi cộm.

Thứ tư, trong thực tiễn hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ của người tiến hành tố tụng không những ở Đắk Lắk nói riêng, mà còn hầu hết trên địa phương nói chung còn gặp phải rất nhiều khó khăn..

Chương 3

NHỮNG YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO

HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

3.1. Cải cách tư pháp và sự cần thiết nâng cao hiệu quả thu thập, đánh giá chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định của pháp luật về thu thập và đánh giá chứng cứ cho phù hợp với điều kiện tình hình kinh tế - chính trị Việt Nam hiện nay. Theo quy định tại Điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “*Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách*

quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của bị can, bị cáo. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”.

Thứ hai, đề xuất tăng cường việc tiếp nhận, thu thập và đánh giá chứng cứ điện tử trên địa bàn. Cùng với sự phát triển của xã hội, việc sử dụng Internet trở nên rộng rãi và phổ biến hơn rất nhiều, các giao dịch, giao tiếp hoặc các mối quan hệ phát sinh thông qua hình thức này ngày càng nhiều. Và đã có không ít những thành phần lợi dụng hình thức này để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ ba, tăng cường việc vận động, tuyên truyền người dân về kiến thức pháp luật, đồng thời khuyến khích người dân có ý thức tự giác tố cáo tội phạm. Như đã nêu ở phần trên, Đắk Lắk là tỉnh có địa bàn khá rộng lớn, phân bố dân cư không đồng đều, chiếm đến gần 30% là người các dân tộc thiểu số, do vậy trình độ dân trí khá thấp và hiểu biết về các quy định pháp luật còn khá mơ hồ.

Thứ tư, tăng cường cơ chế giám sát lẫn nhau trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự. Theo quy định của pháp luật như hiện nay, hầu như chỉ có Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm soát hoạt động tư pháp, có quyền giám sát các hoạt động của cơ quan điều tra và Tòa án, và Tòa án trong trường hợp xét thấy căn cứ khởi tố đưa ra của các cơ quan điều tra không hợp lý thì có quyền trả lại để điều tra bổ sung, chứ chưa có sự giám sát ngược lại của các cơ quan điều tra trong hoạt động tố tụng, hoặc thẩm quyền giám sát còn khá mờ nhạt.

3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, đối với khái niệm vật chứng, trước khi liệt kê các loại vật chứng, tác giả kiến nghị bổ sung nội hàm khái niệm vật chứng thành khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 để đảm bảo tính thống nhất giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm vật chứng:

Thứ hai, về chủ thể có nghĩa vụ thu thập vật chứng, kiến nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 một số cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động điều tra ban đầu như: Bộ đội

biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Cụ thể, khoản 1 Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự được bổ sung như sau:

Thứ ba, đối với quy định bảo quản vật chứng là hàng hoá mau hỏng, khó bảo quản, cần bổ sung vào điểm d khoản 2 Điều 75 nội dung như sau:

Thứ tư, để quy định về chủ thể bảo quản vật chứng không mâu thuẫn với quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, điểm d khoản 2 Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “*Đối với vật chứng đưa về Cơ quan tiến hành tố tụng, Cơ quan thi hành án bảo quản thì Cơ quan điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; Cơ quan thi hành án có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án*”.

Thứ năm, để khắc phục các vướng mắc trong hoạt động xử lý vật chứng như đã phân tích trên, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 với các nội dung sau:

Thứ sáu, về chế định trả hồ sơ điều tra bổ sung:

Thứ bảy, về việc đánh giá chứng cứ:

Thứ tám, về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự:

Thứ chín, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ

3.2.2. Các giải pháp khác

3.2.1.1. Giải pháp liên quan đến cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

** Về Cơ quan điều tra:*

Thứ nhất, cần nâng cao việc phối hợp hoạt động giữa Cơ quan điều tra các cấp và cơ quan liên ngành. Trước diễn biến tình hình tội phạm ngày càng có chiều hướng gia tăng về số lượng, nghiêm trọng hơn về hành vi phạm tội, nâng cao hơn về độ tinh vi, tổ chức hoạt động, phạm vi hoạt động liên tỉnh, xuyên quốc gia, và mối nguy hại gây ra cho xã hội ngày càng lớn, Cơ quan điều tra cần phải tăng cường hơn nữa sự phối hợp hoạt động điều tra phòng chống tội phạm.

Thứ hai, cần phải rút gọn hệ thống cơ quan điều tra đang tồn tại và hoạt động độc lập với nhau như hiện nay. Hiện nay, trong ngành công an, cơ quan điều tra gồm 2 lực lượng gồm thuộc Lực lượng Cảnh sát nhân dân và Lực lượng an ninh nhân dân.

Như vậy, theo mô hình tổ chức này hệ thống Cơ quan điều tra còn khá công kênh, hoạt động độc lập với nhau, và mang tính chuyên trách cao. Trong khi đó, mối quan hệ giữa các cơ quan điều tra thuộc hệ thống đều khá độc lập, khép kín về phương diện điều hành và lãnh đạo.

Thứ ba, cần loại bỏ tổ chức Cơ quan điều tra trong Viện kiểm sát với mục đích điều tra nhanh chóng các vụ án được phát hiện trong khi tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật, điều tra khách quan đối với các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp, và điều tra các vụ án phức tạp khi thấy cần thiết. Về mặt lý luận, việc đặt cơ quan điều tra trong Viện kiểm sát là chưa hợp hiến, chưa phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Viện.

Thứ tư, bổ sung quy định Kiểm ngư, cơ quan Thuế, Ủy ban chứng khoán nhà nước là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, bởi vì đây là những cơ quan thuộc những lĩnh vực đặc thù, có số vụ vi phạm pháp luật ngày càng gia tăng, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp. Theo quy định của pháp luật hiện hành, các cơ quan này chỉ có chức năng thanh tra các vụ việc; trong trường hợp nghi ngờ có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho Cơ quan điều tra chuyên trách, không đủ sức ngăn chặn, xử lý và răn đe vi phạm.

** Về Viện kiểm sát:*

** Về Tòa án:*

** Về cơ chế giám sát và phối hợp lẫn nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng:*

3.2.1.2. Giải pháp liên quan đến người tiến hành tố tụng hình sự

Nâng cao trình độ, năng lực cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Luật sư. Trong quá trình thay đổi, cải cách bảo đảm tăng cường tính tranh tụng tại phiên toà, suy cho cùng vấn đề quyết định vẫn là con người. Vì vậy, việc tiêu chuẩn hoá đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cần phải tiến hành đồng bộ với quá trình cải cách tư pháp theo một lộ trình hợp lý.

3.2.1.3. Nâng cao vai trò của Luật sư trong thu thập, đánh giá chứng cứ

Thực tế cho thấy, việc thực hiện quyền thu thập chứng cứ của Luật sư gặp phải một số vướng mắc, bất cập sau:

Thứ nhất, Bộ luật tố tụng hình sự quy định Luật sư có quyền thu thập tài liệu, đồ vật, nhưng lại chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ của Luật sư. Theo quy định tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự thì: Để thu thập chứng cứ, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có

quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày về những vấn đề có liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định, tiến hành khám xét, khám nghiệm và các hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.

Thứ hai, việc thu thập chứng cứ trong tố tụng nói chung, thu thập tài liệu, đồ vật có liên quan của Luật sư nói riêng đòi hỏi phải có kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu. Hiện nay, hầu hết Luật sư hành nghề đều chưa được trang bị kỹ năng, nghiệp vụ này một cách bài bản, nên khả năng thu thập tài liệu, đồ vật rất hạn chế và ít có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự.

KẾT LUẬN

Chứng cứ trong vụ án hình sự được coi là phương tiện duy nhất được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để xác định sự thật khách quan của vụ án. Bởi tầm quan trọng, mang tính quyết định của chứng cứ mà pháp luật tố tụng hình sự có những quy định chặt chẽ về thủ tục thu thập và đánh giá chứng cứ. Để giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án hình sự thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải xác định sự việc phạm tội và người thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội là quá trình đã xảy ra trong quá khứ. Do vậy, muốn hình dung và tái hiện được diễn biến của nó thì cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa vào chứng cứ của vụ án. Vì vậy, xét về bản chất thì chứng cứ là những thông tin, tài liệu hay những gì có thật được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập, kiểm tra và đánh giá theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Qua quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả nhận thấy:

Thứ nhất, nhìn chung các quy định của pháp luật về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc xử lý, mô hình tố tụng trong pháp luật Việt Nam, về cơ bản đã đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn thu thập và đánh giá chứng cứ phục vụ công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng và trong cả nước nói chung.

Thứ hai, bên cạnh những cố gắng và thành tích đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định (gồm cả chủ quan và khách quan) trong quy định của pháp luật chưa rõ ràng và chưa phù hợp đối với những vấn đề đang diễn ra hiện nay. Việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự còn một số

những khó khăn, bất cập về cả mặt lý luận và về cả mặt thực tiễn, từ đó vẫn đề soát những lỗ hổng của pháp luật cho một số kẻ lợi dụng để trục lợi hoặc trốn tránh, lọt ra khỏi vòng lao lý. Cụ thể như các quy định trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ như: Việc giám sát thu thập chứng cứ bằng buro kiện, buro phẩm; việc bảo đảm các quyền cung cấp chứng cứ và đánh giá chứng cứ do người tiến hành tố tụng thực hiện,... Đặc biệt là đối với các quy định về thu thập và đánh giá chứng cứ là vật chứng, còn phụ thuộc rất nhiều vào ý thức chủ quan và kinh nghiệm của người thu thập và đánh giá chứng cứ.

Thứ ba, trong tổ chức hoạt động của các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án còn khá công kênh, có sự chông chéo và không rõ ràng về thẩm quyền, nhiệm vụ trong quá trình thu thập và đánh giá chứng cứ. Bên cạnh đó là một số bất cập với những chủ quan trong nhận thức, năng lực, trình độ, trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Ngoài ra việc đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực còn rất nhiều điểm hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra, đồng thời cũng chưa phù hợp với các tiêu chí Quốc tế khuyến nghị.

Trên cơ sở những phân tích thực trạng về thể chế, các chế định quy định về trình tự, thủ tục đối với việc thu thập và đánh giá chứng cứ, tiếp cận những xu hướng quốc tế và quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta trong Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi, nhằm hướng đến việc bảo đảm tốt nhất các quyền và lợi ích của các chủ thể tham gia tố tụng cũng như nâng cao hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, tác giả đề xuất ba nhóm giải pháp hoàn thiện, cụ thể:

* Giải pháp về thể chế: Sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các quy định về thu thập và đánh giá chứng cứ trong các giai đoạn tố tụng thông qua Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án bao gồm: 1) Kiến nghị sửa đổi đối với chủ thể có nghĩa vụ thu thập vật chứng và bảo quản, xử lý vật chứng; 2) Sửa đổi việc quy định về đánh giá chứng cứ; 3) Kiến nghị sửa đổi về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự; 4) Kiến nghị sửa đổi về việc đảm bảo quyền và lợi ích của người tham gia tố tụng.

* Giải pháp hoàn thiện tổ chức và hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, theo đó đề xuất một số biện pháp: 1) Nâng cao năng lực của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ; 2) Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động hiệu quả giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và với các cơ quan chức năng khác; 3)

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm hỗ trợ một cách tối đa cho cơ quan tiến hành tố tụng hoạt động một cách hiệu quả; 4) Tăng thẩm quyền cho một số cơ quan, đồng thời tăng cường thẩm quyền kiểm tra, giám sát lẫn nhau trong quá trình hoạt động.

* Giải pháp về thẩm quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa, bởi quy định này không làm mất đi vị trí, vai trò của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bản chất của chứng cứ là tồn tại khách quan, phản ánh sự kiện phạm tội và có giá trị chứng minh tội phạm. Quyền xem xét, đánh giá chứng cứ vẫn thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong khi đó, người bào chữa nếu thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự thì sẽ giúp cơ quan tiến hành tố tụng giảm bớt các chi phí, và đặc biệt là rút ngắn được thời gian giải quyết vụ án hình sự.

* Giải pháp về tăng cường hiệu quả của việc thu thập và đánh giá chứng cứ thông qua hoạt động nâng cao hiểu biết của nhân dân về pháp luật. Từ đó nêu cao tinh thần hợp tác, tự giác tố cáo tội phạm, tham gia cung cấp chứng cứ và thu thập chứng cứ trong phạm vi quyền hạn mà pháp luật cho phép. Đồng thời qua đó giúp nhân dân nhận thức được hành vi mà mình đang thực hiện, giảm bớt tình hình, tệ nạn tội phạm đang diễn ra như hiện nay.

Trong khuôn khổ bài viết và thời gian nghiên cứu còn hạn hẹp có thể có những hạn chế và thiếu sót nhất định, xong phần nghiên cứu kèm theo các kiến nghị của tác giả nêu trong luận văn là những đóng góp nhỏ mang tính sáng kiến pháp luật để giải quyết những tồn tại, theo hướng hoàn thiện Bộ luật tố tụng năm 2003, đồng thời nâng cao hiệu quả cho cơ quan tiến hành tố tụng trong công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm.